

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023



Hà Nội, tháng 4 năm 2023

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2023	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-29

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

# BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vinam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty kỳ từ 01/01/2023 đến 31/03/2023.

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04 tháng 10 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông Takishita Akira	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03/11/2018
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Lê Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Đặng Việt Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Ông Hà Thị Thu Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

### Ban Giám đốc

Ông Đặng Việt Thắng	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/7/2022
Ông Nguyễn Mạnh Cường	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/7/2022

### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Ngô Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Trần Thị Duyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Đào Thị Thanh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Nguyễn Thị Hường	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/6/2022

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023 tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/03/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ ngày 31 tháng 03 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý Bảng cân đối kế toán Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm cho kỳ này, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



**Đặng Việt Thắng**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>4</b>	<b>369 174 284 931</b>	<b>355 403 152 216</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>100 481 475 047</b>	<b>90 281 015 044</b>
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>39 713</b>	<b>39 713</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		35 799 713	35 799 713
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(35 760 000)	(35 760 000)
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>226 139 847 731</b>	<b>227 828 141 524</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	108 238 927 570	109 780 942 316
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	117 698 760 899	117 930 532 899
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	202 159 262	116 666 309
<b>IV Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>40 693 072 039</b>	<b>35 771 248 592</b>
1. Hàng tồn kho	141		40 693 072 039	35 771 248 592
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1 859 850 401</b>	<b>1 522 707 343</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	70 027 363	56 113 476
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1 786 823 038	1 465 593 867
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	3 000 000	1 000 000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>43 613 941 305</b>	<b>45 742 389 025</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
0. Phải thu dài hạn khác	216	8	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19 549 089 563</b>	<b>19 658 757 218</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	12 105 756 225	12 010 090 549
- Nguyên giá	222		13 015 937 511	12 767 422 606
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(910 181 286)	(757 332 057)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	7 443 333 338	7 648 666 669
- Nguyên giá	228		9 240 000 000	9 240 000 000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1 796 666 662)	(1 591 333 331)
<b>IV Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>10</b>	<b>23 839 401 774</b>	<b>24 087 916 679</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		23 839 401 774	24 087 916 679
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>(1 738 225 957)</b>	<b>-</b>
1. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1 738 225 957)	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1 963 675 925</b>	<b>1 995 715 128</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	1 963 675 925	1 995 715 128
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>412 788 226 236</b>	<b>401 145 541 241</b>

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>21,213,500,577</b>	<b>8,678,936,661</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>21,213,500,577</b>	<b>8,503,779,216</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2,653,546,446	3,971,826,709
1. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1,491,192,930	1,214,509,722
3. Phải trả người lao động	314		741,753,506	1,766,472,416
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		460,000,000	380,000,000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	85,664,739	289,627,413
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		15,210,000,000	310,000,000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	17	526,250,000	526,250,000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45,092,956	45,092,956
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	28	-	175,157,445
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>391,574,725,659</b>	<b>392,466,604,580</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>391,574,725,659</b>	<b>392,466,604,580</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		296,999,910,000	296,999,910,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		296,999,910,000	296,999,910,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18,918,962,963	18,918,962,963
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		195,900,595	195,900,595
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		63,956,113,928	64,830,635,986
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		63,844,484,666	57,839,226,671
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		111,629,262	6,991,409,315
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11,503,838,173	11,521,195,036
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>412,788,226,236</b>	<b>401,145,541,241</b>

Phạm Thị Bích Liên  
Người lập

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

Phạm Xuân Lăng  
Kế Toán Trưởng



Đặng Việt Thắng  
Giám Đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 6, tòa nhà VTC Onilinc, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I/2023	Quý I/2022	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	14 619 495 771	8 767 350 829	14 619 495 771	8 767 350 829
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	102 455	52 255 295	102 455	52 255 295
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	14 619 393 316	8 715 095 534	14 619 393 316	8 715 095 534
4. Giá vốn hàng bán	11	21	11 907 788 022	5 326 294 397	11 907 788 022	5 326 294 397
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	22	2 711 605 294	3 388 801 137	2 711 605 294	3 388 801 137
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	22 674 098	358 814	22 674 098	358 814
7. Chi phí tài chính	22	23	109 994 834	5 753 425	109 994 834	5 753 425
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	23	109 994 834	5 753 425	109 994 834	5 753 425
9. Chi phí bán hàng	25	24	143 751	-	143 751	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	2 278 873 414	1 608 203 562	2 278 873 414	1 608 203 562
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26)	30	25	345 267 393	1 775 202 964	345 267 393	1 775 202 964
12. Thu nhập khác	31	26	-	30 000 000	-	30 000 000
13. Chi phí khác	32	27	799 496	59 718 168	799 496	59 718 168
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	(799 496)	(29 718 168)	(799 496)	(29 718 168)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	28	344 467 897	1 745 484 796	344 467 897	1 745 484 796
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	250 195 498	132 327 015	250 195 498	132 327 015
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	28	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	28	94 272 399	1 613 157 781	94 272 399	1 613 157 781
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	28	111 629 262	1 652 247 442	111 629 262	1 652 247 442
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62	28	(17 356 863)	(39 089 661)	(17 356 863)	(39 089 661)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5.00	81	5.00	81
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	5.00	81	5.00	81

*[Handwritten signature]*



Phạm Thị Bích Liên  
Người lập

Phạm Xuân Lăng  
Kế Toán Trưởng

Đặng Việt Thắng  
Giám Đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	16 052 958 238	10 136 714 519
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(18 068 060 354)	(52 691 639 943)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(2 075 919 254)	(1 111 334 021)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(79 336 712)	(8 489 255)
<i>Lãi vay phát sinh trong kỳ (KQKD)</i>		(79 336 712)	(8 489 255)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(128 328 080)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	523 966 751	64 488 242 198
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(843 148 666)	(20 958 934 377)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<b>20</b>	<b>(4 489 539 997)</b>	<b>(273 768 959)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	(6 401 000 000)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(9 900 000 000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	11 216 992 446
<i>Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn (TM doanh thu HDTC)</i>		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>(5 084 007 554)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	17 371 000 000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	15 000 000 000	212 330 000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(310 000 000)	(11 198 006 144)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>14 690 000 000</b>	<b>6 385 323 856</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>10 200 460 003</b>	<b>1 027 547 343</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>90 281 015 044</b>	<b>8 646 594 565</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>100 481 475 047</b>	<b>9 674 141 908</b>

Phạm Thị Bích Liên  
Người lập  
Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023

Phạm Xuân Lãng  
Kế Toán Trưởng



Đặng Việt Thắng  
Giám Đốc



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vinam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04 tháng 10 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 197.999.940.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến 31/03/2023 là 296.999.910.000 đồng; tương đương 29.699.991 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại 31/03/2023 là 05 người (tại 31/12/2022 là 05 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan

Chi tiết: - Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng bao gồm: dân dụng và công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước. - Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án; - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;

Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

Tư vấn, môi giới, đầu tư bất động sản, đầu tư quyền sử dụng đất

Chi tiết: - Dịch vụ môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản - Dịch vụ sản giao dịch bất động sản;

Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

Chi tiết: - Bán lẻ dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh;

Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông

Chi tiết: - Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải;

Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép

Chi tiết: Buôn bán hàng vải sợi may mặc;

#### **Cấu Trúc Doanh Nghiệp**

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

### Cấu trúc Công ty

#### Tổng số công ty con:

- Số lượng công ty con trực tiếp được hợp nhất: 07
- Số lượng công ty con gián tiếp được hợp nhất: 03
- Số lượng công ty con không được hợp nhất: 0

#### Danh sách các Công ty sở hữu trực tiếp tại ngày 31/03/2023

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ VND	Vốn thực góp tại 31/03/2023 VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ Y học (1)	Số 3 Phố Cầu Đất, Thị Trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	4 800 000 000	4 800 000 000	100.00%	100.00%	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
Công ty CP Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo (2)	Lô A15, Cụm Công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	50 000 000 000	49 940 000 000	99.98%	99.98%	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; - Bán buôn khí đốt và các sản phẩm liên quan.
Công ty TNHH Vinam Vung Ang (3)	Tổ dân phố Đông Trinh, Phường Kỳ Trinh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	20 000 000 000	20 000 000 000	100.00%	100.00%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
Công ty TNHH Vinam Sài Gòn (4)	Số 173 Cô Giang, Phường Cô Giang, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	47 868 000 000	38 868 000 000	81.20%	81.20%	Bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), Khí thiên nhiên (CNG), khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG), xăng, dầu lửa, dầu DO, dầu FO và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại trụ sở).



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

- Công ty CP Công nghệ cao G7 (5)	Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Giai đoạn 1, Xã Đông Phú, H. Châu Thành, T. Hậu Giang, Việt Nam	50 000 000 000	49 000 000 000	98.00%	98.00%	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu.
- Công ty Cổ phần Phòng Khám Ba Đình (6)	Số 37A Dốc Phụ sản, đường Đê La Thành, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	5 000 000 000	4 900 000 000	98.00%	98.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa.
- Công ty Cổ phần Sản Xuất Phần Mềm Vinam (7)	Phòng số 302 tầng 3, Toà tháp Tây chung cư thuộc dự án khu nhà ở cán bộ Học viện Quốc phòng, P.Xuân La, Q.Tây Hồ, TP.Hà Nội, Việt Nam	30 000 000 000	16 500 000 000	98.00%	98.00%	Lập trình phần mềm máy vi tính.

Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1012/2018/NQHĐQT/CVN ngày 10/12/2018. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2601021142 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp với vốn điều lệ 4.800.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty góp vốn vào Công ty TNHH Nghiên cứu ứng dụng Công nghệ Y Học tại 31/03/2023 là 4.800.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

(1) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tiên thân là Công ty Cổ phần Vinam Quảng Ninh: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1811/2019/NQHĐQT/CVN ngày 18/11/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702024681 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 12 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Quảng Ninh cấp với vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp 5.940.000.000 đồng chiếm 99% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 4 ngày 07/09/2022, Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Hạ Long Tokyo tăng vốn lên 50.000.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 49.940.000.000 đồng tương đương 99,98%. Đến 31/03/2023, Công ty đã góp đủ 49.940.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

(3) Công ty TNHH Vinam Vũng Áng: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0907/2020/NQHĐQT/CVN ngày 09/07/2020; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3002186193 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 07 năm 2020, thay đổi lần thứ nhất ngày 24/8/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Tĩnh cấp với vốn điều lệ 20.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp tại 31/03/2023 là 20.000.000.000 đồng chiếm 100% vốn điều lệ. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.



## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty TNHH Vinam Sài Gòn: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 1410/2019/NQHĐQT/CVN ngày 14/10/2019; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315980715 đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 10 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Vinam góp là 21.000.000.000 đồng chiếm 70% vốn điều lệ. Theo đăng ký kinh doanh lần 5 ngày 09/09/2022, Công ty TNHH Vinam Sài Gòn tăng vốn lên 47.868.000.000 đồng, Công ty Cổ phần Vinam góp 38.868.000.000 đồng tương đương 81.20%. Đến ngày 31/03/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ 38.868.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

Công ty Cổ phần Công nghệ cao G7: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 0302/2021/NQHĐQT/CVN ngày 03/02/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345278 đăng ký lần đầu ngày 03/6/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp với vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 49.000.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/03/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp đủ số vốn cam kết.

Công ty Cổ phần Phòng khám Ba Đình: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 2907/2021/NQHĐQT/CVN ngày 29/7/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109729993 đăng ký lần đầu ngày 06/8/2021, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 15/12/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam góp 4.900.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/03/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 4.900.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

Công ty Cổ phần Sản xuất phần mềm Vinam: được thành lập theo nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vinam số 011/2021/NQHĐQT/CVN ngày 04/11/2021; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109805330 đăng ký lần đầu ngày 05/11/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Vinam cam kết góp 29.400.000.000 đồng chiếm 98% vốn điều lệ. Đến ngày 31/03/2023, Công ty Cổ phần Vinam đã góp 16.500.000.000 đồng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn đang hoạt động bình thường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

### Danh sách các Công ty sở hữu gián tiếp tại ngày 31/03/2023

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Vốn điều lệ VND	Vốn thực góp tại 31/03/2023 VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Công nghệ cao Y tế và - Môi trường Lạng Sơn Tokyo (8)	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	15 000 000 000	14 850 000 000	80.39%	80.39%	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, hoạt động các phòng khám đa khoa, chuyên khoa.
Công ty CP Công nghệ cao Y Tế và - Môi trường Móng Cái Tokyo (9)	Khu 7, Phường Hải Yên, Thành phố Móng Cái, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	10 000 000 000	9 900 000 000	98.98%	98.98%	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Công ty Cổ phần Phòng khám - Nguyễn Thái Sơn (10)	174 Nguyễn Thái Sơn, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	10 000 000 000	9 800 000 000	98.00%	98.00%	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa Chi tiết: Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh, chuyên khoa xét nghiệm (trừ lưu trữ bệnh nhân).

## CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

(8) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Lạng Sơn Tokyo được thành lập theo Quyết định của Hội đồng thành viên Công ty TNHH Vinam Sài Gòn số 23/2021/QĐ-HĐTV ngày 01/11/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 4900880900 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 09 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp với vốn điều lệ 15.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty TNHH Vinam Sài Gòn góp tại 31/03/2023 là 14.850.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 99% vốn điều lệ.

(9) Công ty Cổ phần Công nghệ cao Y tế và Môi trường Móng Cái Tokyo được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo số 01/2021/NQHĐQT/HLTOKYO ngày 19/08/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 5702095185 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 30 tháng 08 năm 2021 với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao Y Tế và Môi Trường Hạ Long Tokyo góp tại 31/03/2023 là 9.900.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 99% vốn điều lệ.

(10) Công ty Cổ phần Phòng khám Nguyễn Thái Sơn được thành lập theo Nghị quyết Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7 số 1910/2021/NQHĐQT/G7 ngày 19/10/2021. Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty có phần số 0317019828 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2021 với vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng. Tổng giá trị Công ty Cổ phần Công Nghệ Cao G7 góp tại 31/03/2023 là 9.800.000.000 đồng, chiếm tỉ lệ 98% vốn điều lệ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **3 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### **Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

*Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con:* Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ.

### Công cụ tài chính

#### Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng năm không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh, căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, công cụ dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giám vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **Doanh thu**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.*

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ khen thưởng Ban điều hành và cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

### **Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm chỉ diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

#### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

##### Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2023	01/01/2023
	00/01/1900	00/01/1900
Tiền mặt	28 864 312 019	12 720 024 944
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	71 617 163 028	77 560 990 100
	<u>100 481 475 047</u>	<u>90 281 015 044</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Tầng 6, tòa nhà VTC Online, số 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/03/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**Chứng khoán kinh doanh**

	31/03/2023			01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	0	0	0	0	0	0
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Bắc Giang (30.000 CP)	35 799 713	39 713	(35 760 000)	35 799 713	39 713	(35 760 000)
(i)	35 799 713	39 713	(35 760 000)	35 799 713	39 713	(35 760 000)
	<b>35 799 713</b>	<b>39 713</b>	<b>(35 760 000)</b>	<b>35 799 713</b>	<b>39 713</b>	<b>(35 760 000)</b>

Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 giá trị hợp lý các khoản đầu tư phải được trình bày. Tuy nhiên công ty chỉ đánh giá được những khoản đầu tư với công ty niêm yết đến thời điểm 30/06/2020. Đối với các công ty chưa niêm yết, công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính do chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất*

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	00/01/1900	0	00/01/1900	0
Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện SARA (i)	9 846 455 771		66 714 708 262	
Công ty Cổ phần trang thiết bị vật tư y tế Phương Nam	1 269 898 123		12 830 772 418	
Công ty Cổ phần Omega Việt Nam	7 278 322 500		1 031 095 056	
Công ty Cổ phần Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn JWB CO.,LTD	5 548 293 450		7 278 322 500	
KYOTO F&B Co., LTD	2 774 262 300		5 548 293 450	
Công ty Cổ phần Phòng khám Healthcare Nam Sài Gòn	64 714 708 262		2 774 262 300	
Công ty Cổ phần Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	872 982 174		2 372 982 174	
Công ty TNHH Thương mại AT & T	1 500 000 000		2 372 982 174	
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật	2 499 115 390		2 648 904 982	
Công ty Cổ phần Đầu tư Lou	4 514 680 000		4 514 680 000	
Các đối tượng khác	6 400 660 000			
	1 019 549 600		1 693 939 000	
	<b>108 238 927 570</b>		<b>109 780 942 316</b>	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất***7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

- Công ty CP Thực phẩm chế biến Nhật Phú Nguyễn (1)
- Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam (2)
- Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản (3)
- Công ty TNHH Môi trường Y tế Công nghệ cao (4)
- Công ty TNHH Thiết bị Y Học Nhật (5)
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Máy nông nghiệp Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thiết bị Y tế Kiên Tạo
- Trả trước các đối tượng khác

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	00/01/1900	0	00/01/1900	0
	29 110 322 543	-	29 110 322 543	-
	38 650 000 000	-	38 650 000 000	-
	22 188 438 356	-	22 188 438 356	-
	24 375 000 000	-	24 375 000 000	-
	-	-	-	-
	3 000 000 000	-	3 000 000 000	-
	-	-	198 000 000	-
	375 000 000	-	408 772 000	-
	<b>117 698 760 899</b>	-	<b>117 930 532 899</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	-	-
Phải thu người lao động	-	-	-	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	676 026	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	299 927	-	-	-
Phải thu về BHYT	-	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	-	-
Tạm ứng	107 783 309	-	23 666 309	-
Đặt cọc tiền nhà	93 000 000	-	93 000 000	-
Cho mượn	-	-	-	-
Các khoản chi hộ	400 000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	-	-
	<b>202 159 262</b>	<b>-</b>	<b>116 666 309</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	79 254 247	-	79 254 247	-
Công cụ, dụng cụ	37 962 963	-	37 962 963	-
Hàng hoá	40 575 854 829	-	35 654 031 382	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-	-	-
	<b>40 693 072 039</b>	<b>-</b>	<b>35 771 248 592</b>	<b>-</b>

**10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2023	01/01/2023
Mua sắm tài sản cố định		
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa khu vực An Giang (i)	2 845 162 035	2 845 162 035
- Hệ thống Pacs – Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tân Châu (ii)	6 090 503 830	6 090 503 830
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Thanh Sơn (iii)	4 601 272 727	4 601 272 727
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Ba Đình (iv)	3 454 662 273	3 454 662 273
- Lắp đặt máy móc thiết bị Phòng Khám Nguyễn Thái Sơn (v)	6 400 272 727	6 400 272 727
- Máy tiệt trùng thực phẩm RCS-120	49 000 000	49 000 000
- Mua sắm tài sản cố định khác	398 528 182	647 043 087
	<b>23 839 401 774</b>	<b>24 087 916 679</b>

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	12 767 422 606	12 767 422 606

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Mua sắm	248 514 905	248 514 905
Tại ngày 31/03/2023	<u>13 015 937 511</u>	<u>13 015 937 511</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2023	(757 332 057)	(757 332 057)
Trích khấu hao	(152 849 229)	(152 849 229)
Tại ngày 31/03/2023	<u>(910 181 286)</u>	<u>(910 181 286)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	13 524 754 663	13 524 754 663
Tại ngày 31/03/2023	<u>12 105 756 225</u>	<u>12 105 756 225</u>

**12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	9 240 000 000	9 240 000 000
Mua sắm	-	-
Tại ngày 31/03/2023	<u>9 240 000 000</u>	<u>9 240 000 000</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2023	(1 591 333 331)	(1 591 333 331)
Trích khấu hao	(205 333 331)	(205 333 331)
Tại ngày 31/03/2023	<u>(1 796 666 662)</u>	<u>(1 796 666 662)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	10 831 333 331	10 831 333 331
Tại ngày 31/03/2023	<u>7 443 333 338</u>	<u>7 443 333 338</u>

**13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2023	01/01/2023
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	-
Chi phí đi vay	-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	70 027 363	56 113 476
	<u>70 027 363</u>	<u>56 113 476</u>
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	-	-
Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp	-	-
Tiền thuê đất	1 318 196 918	1 320 794 961
Chi phí thuê nhà xưởng	-	-
Chi phí tác quyền	242 413 494	242 413 494
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2 041 264	2 276 794
Chi phí mua bảo hiểm	-	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	401 024 249	430 229 879
	<u>1 963 675 925</u>	<u>1 995 715 128</u>

**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

31/03/2023		01/01/2023	
Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

Công ty TNHH IVFTECH	147 976 316	147 976 316	531 193 517	531 193 517
Công ty TNHH Thương mại AT&T	-	-	-	-
Công ty TNHH Thực phẩm chế biến Mitraco	627 272 730	627 272 730	627 272 730	627 272 730
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Cysina Việt Pháp	637 913 500	637 913 500	349 633 500	349 633 500
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bệnh Viện Việt Mỹ	95 411 750	95 411 750	1 412 899 619	1 412 899 619
Công ty Liên doanh Kho lạnh Panasato	-	-	142 742 077	142 742 077
Công ty Cổ phần ME77 Việt Nam	336 193 850	336 193 850	-	-
JWB CO., LTD	237 952 000	237 952 000	237 952 000	237 952 000
Công ty Cổ phần Chứng khoán ASEAN	-	-	-	-
Các đối tượng khác	570 826 300	570 826 300	670 133 266	670 133 266
	<b>2 653 546 446</b>	<b>2 653 546 446</b>	<b>3 971 826 709</b>	<b>3 971 826 709</b>

**15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế Giá trị gia tăng	-	100 724 765	100 724 765	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	1 140 682 775	250 195 498	-	1 390 878 273
Thuế Thu nhập cá nhân	73 826 947	41 910 433	15 422 723	100 314 657
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	28 000 000	28 000 000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	15 317 202	15 317 202	-
	<b>1 214 509 722</b>	<b>436 147 898</b>	<b>159 464 690</b>	<b>1 491 192 930</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2023	01/01/2023
	00/01/1900	00/01/1900
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	10 869 000	10 869 000
Bảo hiểm xã hội	29 728 408	32 321 862
Bảo hiểm y tế	1 356 678	3 384 756
Bảo hiểm thất nghiệp	603 680	1 712 585
Phải trả về cổ phần hoá	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-		
Phải trả lãi vay	-	-		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	43 106 973	241 339 210		
	<b>85 664 739</b>	<b>289 627 413</b>		
	31/03/2023	01/01/2023		
	00/01/1900	00/01/1900		
<b>17 Dự phòng phải trả ngắn hạn</b>				
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	526 250 000	526 250 000		
	<b>526 250 000</b>	<b>526 250 000</b>		
<b>28) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	175 157 445		
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-		
	-	<b>175 157 445</b>		
<b>18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>				
<b>b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>				
	Tỷ lệ	31/03/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
	(%)	0	(%)	0
Lê Đức Khanh	3.20%	9 500 000 000	3.20%	9 500 000 000
Nguyễn Mạnh Cường	6.06%	18 000 000 000	6.06%	18 000 000 000
Nguyễn Minh Tuấn	6.73%	20 000 000 000	6.73%	20 000 000 000
Nguyễn Thị Mỹ Nhung	5.03%	14 951 000 000	5.03%	14 951 000 000
Cổ đông khác	78.97%	234 548 910 000	78.97%	234 548 910 000
	<b>100%</b>	<b>296 999 910 000</b>	<b>100%</b>	<b>296 999 910 000</b>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>				
		31/03/2023		01/01/2023
		VND		VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		296 999 910 000		296 999 910 000
- Vốn góp đầu kỳ		296 999 910 000		296 999 910 000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-		-
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>		-		-
- Vốn góp cuối kỳ này		296 999 910 000		296 999 910 000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		-		-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29 699 991	29 699 991
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu phổ thông	29 699 991	29 699 991
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10 000	10 000

**e) Các quỹ công ty**

	31/03/2023	01/01/2023
Quỹ đầu tư phát triển	195 900 595	195 900 595
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	<b>195 900 595</b>	<b>195 900 595</b>

**19 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Doanh thu bán thành phẩm		
Doanh thu bán hàng hóa	14 275 315 811	8 767 350 829
Doanh thu cung cấp dịch vụ	344 179 960	
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
- Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong năm	-	-
- Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập	-	-
	<b>14 619 495 771</b>	<b>8 767 350 829</b>

**20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Hàng bán bị trả lại	-	-
Giảm giá hàng bán	102 455	52 255 295
	<b>102 455</b>	<b>52 255 295</b>

**21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11 563 608 062	5 326 294 397
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	344 179 960	
	<b>11 907 788 022</b>	<b>5 326 294 397</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

**22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	22 674 098	358 814
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-
	<b>22 674 098</b>	<b>358 814</b>

**23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	109 994 834	5 753 425
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	-
Chi phí tài chính khác	-	-
	<b>109 994 834</b>	<b>5 753 425</b>

**24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí khác bằng tiền	143 751	-
Chi phí bảo hành	-	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	-
	<b>143 751</b>	<b>-</b>

**25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí nhân công	1 135 783 896	972 065 944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385 097 708	-
Thuế, phí, lệ phí	20 731 273	-
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	331 209 298	562 351 437
Chi phí khác bằng tiền	406 051 239	73 786 131
	<b>2 278 873 414</b>	<b>1 608 203 512</b>

**26 . THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Thu nhập khác	-	30 000 000
	<b>-</b>	<b>30 000 000</b>

**27 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
--	---------------------------------	---------------------------------



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chi phí khác	VND	VND
	799 496	59 718 168
	<u>799 496</u>	<u>59 718 168</u>

**28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	344 467 897	1 745 484 796
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>250 195 498</u>	<u>132 327 015</u>

**29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	111 629 262	1 613 157 781
Các khoản điều chỉnh		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	111 629 262	1 613 157 781
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	23 714 831	19 799 994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>5.00</u>	<u>81</u>

**30 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2023 là số liệu của ngày 31/12/2022 chuyển sang và các số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ kỳ này được lấy từ Báo cáo quý I năm 2022 do Công ty tự lập.

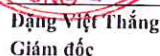


Phạm Thị Bích Liên  
Người lập



Phạm Xuân Lăng  
Kế toán trưởng



  
Đặng Việt Thắng  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2023